

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN Đ

TỈNH G L

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/DS-ST

Ngày: 15/01/2019

*“Tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G L

- Thành phần Hội đồng sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Viết Minh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Do

2. Bà Nguyễn Thị Cn.

Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Vương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G L tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G L xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2018/TLST – DS, ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Văn H, sinh năm: 1974 và bà Trần Thị N, sinh năm: 1977.

Cùng địa chỉ: Thôn T Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh G L. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1951, bà Phạm Thị N, sinh năm: 1954 và ông Hoàng Văn T, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Thôn T Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh G L. Có mặt.

- Người làm chứng: Hoàng Thị T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn T Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh G L. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Mai Văn H và bà Trần Thị N trình bày:

Vào ngày 06/02/2018 vợ chồng ông Hoàng Văn C, bà Phạm Thị N và con của ông C, bà N là Hoàng Văn T có mượn của vợ chồng ông Mai Văn H và bà Trần Thị N số tiền 240.000.000 để đầu tư làm rẫy và hẹn đến ngày 10 ngày sau sẽ trả lại số tiền trên cho ông H, bà N. Đến ngày 21/02/2018 ông C, bà N và anh T tiếp tục vay của ông H, bà N số tiền 75.000.000 để đầu tư làm rẫy và hẹn 02 tháng sau sẽ trả lại số tiền trên cho ông H, bà N. Về lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Khi mượn tiền thì ông C, bà N và anh T có viết 02 giấy vay tiền để làm tin. Tổng cộng ông C, bà N và anh T có vay tiền của ông H, bà N 02 lần với tổng số tiền 315.000.000 đồng. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ thì ông C, bà N và anh T đã không thực hiện việc trả nợ như thỏa thuận.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông H, bà N yêu cầu bị đơn ông C, bà N và anh T trả ngay số tiền 315.000.000 đồng cho ông bà và ông bà không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Hoàng Văn C, bà Phạm Thị N và anh Hoàng Văn T trình bày:

Ông C, bà N và anh T thừa nhận có vay tiền của vợ chồng ông H, bà N 02 lần với tổng số tiền là 315.000.000 đồng như vợ chồng ông H, bà N trình bày. Ông C, bà N và anh T có viết cho ông H, bà N 02 giấy vay tiền để làm tin và hẹn đến ngày 16/02/2018 sẽ trả cho ông H, bà N số tiền 240.000.000 đồng và ngày 21/4/2018 sẽ trả lại số tiền 75.000.000 đồng cho ông H, bà N, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên chưa trả nợ số tiền trên cho ông H, bà N được nên ông C, bà N và anh T xin trả dần số nợ trên cho ông H, bà N mỗi năm trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ 315.000.000 đồng nêu trên, chứ không có khả năng trả một lần.

Người làm chứng chị Hoàng Thị T vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Tuy nhiên tại bản tự khai chị T trình bày: Chị T không nhớ rõ ngày tháng, hôm đó chị có tới nhà ông H, bà N chơi thì thấy ông H, bà N có cho ông C, bà N, anh T vay tiền. Nhưng việc vay bao nhiêu và vay như thế nào thì chị T hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên

tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37; Điều 103 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại số tiền là 315.000.000 đồng cho nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Mai Văn H và bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bị đơn ông Hoàng Văn C, bà Phạm Thị N và anh Hoàng Văn T phải trả lại số tiền gốc đã vay là 315.000.000 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Hoàng Văn C, bà Phạm Thị N và anh Hoàng Văn T thừa nhận, vào ngày 06/02/2018 vợ chồng ông C, bà N và anh T có mượn của vợ chồng ông Mai Văn H và bà Trần Thị N số tiền 240.000.000 và hẹn đến ngày 10 ngày sau sẽ trả lại số tiền trên cho ông H, bà N. Đến ngày 21/02/2018 ông C, bà N và anh T tiếp tục mượn của ông H, bà N số tiền 75.000.000 và hẹn 02 tháng sau sẽ trả lại số tiền trên cho ông H, bà N và đồng thời thừa nhận “Giấy mượn tiền” ngày 06/02/2018 và “Giấy mượn tiền” ngày 21/02/2018 là do ông C, bà N và anh T viết và ký xác nhận. Vì thế việc ông C, bà N và anh T có mượn của vợ chồng ông H, bà N 02 lần với tổng số tiền 315.000.000 đồng là sự thật. Ông C, bà N và anh T cho rằng hiện tại rất khó khăn về kinh tế nên xin trả dần mỗi tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ 315.000.000 đồng cho ông H, bà N. Trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay ông H, bà N không đồng ý với phương án trả nợ mà ông C, bà N và anh T nêu ra. Vì thế, yêu cầu của ông C, bà N và anh T không được chấp nhận. Xét, giao dịch vay tiền giữa ông H, bà N với ông C, bà N và anh T là một hợp đồng dân sự về việc vay tài sản có kỳ hạn được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, nhưng khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì ông C, bà N và anh T là bên vi phạm, không trả nợ theo cam kết. Từ những nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ 315.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về khoản lãi: Trong đơn khởi kiện ông Phạm Quang Tuấn và bà Vũ Thị Liên yêu cầu ông Hoàng Văn C, bà Phạm Thị N và anh Hoàng Văn T phải trả tiền lãi của số tiền vay. Tuy nhiên qua trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông H, bà N không yêu cầu tính lãi của số tiền nợ 315.000.000 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37; Điều 103 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Văn H và bà Trần Thị N.

Buộc bị đơn ông Hoàng Văn C, bà Phạm Thị N và anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Mai Văn H và bà Trần Thị N số tiền nợ gốc là 315.000.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Hoàng Văn C, bà Phạm Thị N và anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ nộp số tiền 15.750.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Mai Văn H và bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Mai Văn H và bà Trần Thị N số tiền 7.875.000 đồng (Bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002737 ngày 21/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G L xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- VKSND tỉnh G L;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Bùi Viết Minh Quân